

Bản án số: **83/2019/KDTM - PT.**

Ngày : 24, 30/7/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi phiên tòa : Ông Phạm Hoàng Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa - KSV

Ngày 24, 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2019/TLPT - KDTM ngày 22 tháng 2 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/ KDTM – ST ngày 8,12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H B Tr bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2019/QĐPT – KDTM ngày 6 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐPT- KDTM ngày 2 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V
(gọi tắt V Bank)

Trụ sở: Số 89 L H, phường L H, quận Đ Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Phó Giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và có nhân, V Bank hội sở (Văn bản ủy quyền số 11/2018/HĐQT ngày 02/3/2018);

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Th, ông Hoàng Thái S, bà Phạm Thị T (Theo Văn bản ủy quyền số 281/2018/UQ-VPB ngày 07/11/2018);

Bị đơn: Công ty cổ phần tin học Ng H (gọi tắt Công ty Ng H)

Trụ sở: 18 L V H, phường Ng T N, quận H B Tr, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn T – Giám đốc công ty.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Anh S, sinh năm 1945

2/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952

Trú tại: Số 4 ngách 30/20 H T M, phường M D, quận C G, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà N: Anh Lê Việt Ph - Sinh năm 1976. Trú tại: Số 6 tổ 21 phường M D , quận C G , Hà Nội.

3/ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1980

Trú tại: Số 56 ngõ 221 T Đ T, phường H B, quận Đ Đ, Hà Nội.

4/ Anh Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1979

5/ Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984

6/ Anh Nguyễn Tiến Đ , sinh năm 1981

7/ Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1983

8/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

9/ Cháu Nguyễn Kiều Tr, sinh năm 2002

10/ Cháu Nguyễn Kiều O, sinh năm 2004

Cháu Tr , cháu O do anh Th đại diện.

11/ Cháu Nguyễn Hà Y, sinh năm 2010 do anh Đ đại diện.

Cùng trú tại: Số 4 ngách 30/20 H T M, phường M D, quận C G, thành phố Hà Nội.

12/ Ông Trần Cao C, sinh năm 1981

Trú tại: Số 56 ngõ 221 T Đ T, phường H B, quận Đ Đ, Hà Nội.

13/ Ủy ban nhân dân quận C G; Trụ sở: Số 36 C G, quận C G , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Tuấn A - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền:

- **Bà Đặng Thị Cẩm Th** - Phó Chánh thanh tra quận;

- **Ông Phạm Bình D** - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường

14/ Văn phòng công chứng Đ Đ; Địa chỉ: Số 101 Ng N K T, phường N Ch, quận Th X, Hà Nội.

Bà T, ông S, bà N, anh Th, anh Ph có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V trình bày:

Ngày 13/10/2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam T V và Công ty CP Tin học Ng H, ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME. Theo đó, V Bank cung cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Ng H số tiền 06 tỷ đồng. Tại các khế ước nhận nợ, Công ty Ng H đã nhận đủ số tiền 5.999.672.000đ theo hợp đồng hạn mức. Thời hạn vay theo các khế ước là 06 tháng; Lãi suất vay 09%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%;

Để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Ng H, V Bank đã ký kết các giao dịch bảo đảm sau:

- Bà Nguyễn Thị Bích H đã thế chấp diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tờ 35(nay là tờ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Nguyễn Thị Bích H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 939589, do UBND quận C G cấp ngày 19/8/2014).

- Ngày 13/10/2014 ông Trần Cao C và V Bank ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 130014-01/HĐBL , theo đó ông C cam kết dùng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Ng H.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, đến hạn trả gốc lãi, Công ty Ng H không trả được tiền gốc+ Lãi theo thỏa thuận. V Bank đã nhiều lần liên hệ với Công ty Ng H để yêu cầu thanh toán các khoản nợ, nhưng Công ty Ng H không thanh toán. Vì vậy V Bank khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Công ty Ng H phải thanh toán trả các khoản tiền sau: tiền nợ gốc 5.999.672.000đ (Năm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng); Tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.066.421.937đ. Tổng số tiền Công ty Ng H phải trả cho Ngân hàng là: 9.066.093.937đ.

Trường hợp Công ty Ng H không trả được các khoản tiền trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản bảo đảm là diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tờ 35(nay là tờ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Nguyễn Thị Bích H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 939589, do UBND quận C G cấp ngày 19/8/2014).

Đề nghị Tòa án phát mại tài sản của ông Trần Cao C, theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết. V Bank không cung cấp được hiện nay ông Trần Cao C có những tài sản cụ thể nào.

Đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án, Công ty Cổ phần tin học Ng H trình bày : Công ty xác nhận nội dung hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 13/10/2014 được ký kết giữa công ty với V Bank.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Nguyễn Thị Bích H đã thế chấp nhà đất tại tổ 35(nay là tổ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Nguyễn Thị Bích H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp ngày 10/10/2014 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C G.

Tính đến ngày 19/7/2016, Công ty Ng H còn nợ V Bank số tiền gốc vay là 5.999.672.000đ, nợ lãi các loại là 1.249.080.645đ. Do Công ty gặp khó khăn trong kinh doanh, nên không trả được nợ, Công ty đồng ý để V Bank phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tổ 35(nay là tổ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội, đứng tên bà Nguyễn Thị Bích H.

Tại văn bản ngày 01/8/2016, ông Đăng Văn T (người đại diện theo pháp luật của Công ty Ng H) đề nghị Tòa án được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

1. Ông Nguyễn Anh S và người đại diện ủy quyền trình bày: Năm 2014, do có nhu cầu cần tiền để kinh doanh, ông S và bà N được giới thiệu đến gặp ông Trần Cao C để vay số tiền 200 triệu đồng. Ông C đồng ý cho vay với điều kiện ông, bà phải làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của ông bà cho bà Nguyễn thị Bích H. Do cần tiền, nên ông, bà đã đồng ý với điều kiện này và ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ tổ 35(nay là tổ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội cho bà Nguyễn thị Bích H. Thực tế gia đình ông S vẫn đang trực tiếp sử dụng toàn bộ nhà đất, có 03 khối tài sản: Nhà thứ nhất: có diện tích 25m², do vợ chồng ông bà xây dựng từ năm 1998 nhà xây 02 tầng 01 tum. Hiện nay có chị Nguyễn Thị Ngọc H đang sinh sống cùng ông bà.

Nhà thứ hai có diện tích đất 45m², ông bà cho con trai là Nguyễn Tiến Th. Anh Th đã xây dựng nhà 06 tầng 01 tum từ năm 2008. Việc cho không có giấy tờ gì.

Nhà thứ ba: có diện tích đất khoảng 60m², ông bà đã cho con trai là anh Nguyễn Tiến Đ. Anh Đ đã xây dựng nhà 03 tầng vào năm 2000. Việc cho đất cũng không làm giấy tờ.

Ông S, bà N yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 2529.2014/HĐCN đề ngày 26/6/2014 giữa bà Nguyễn Thị Bích H với ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N với lý do hợp đồng vô hiệu vì việc chuyển nhượng nhà đất không có thật, không có việc thanh toán tiền, giao nhận tài sản chuyển nhượng.

Ông S, bà N không yêu cầu giải quyết hậu quả khi tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu trong vụ án này. Vì vậy ông S, bà N đề nghị Tòa án không tiến hành định giá nhà đất.

Việc ông S vay nợ ông Trần Cao C không làm giấy tờ, vì vậy không có tài liệu để nộp cho Tòa án.

2. *Tại Bản tự khai ngày 20/7/2016, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:* Ngày 09/10/2014 bà H và V Bank ký hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tổ 35 (nay là tổ 21), phường M D, quận C G, Hà Nội thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà H, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Ng H tại V Bank là Hợp đồng hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME ngày 13/10/2014. Nếu Công ty Ng H không trả được các khoản vay của V Bank, bà H đồng ý để V Bank xử lý tài sản thế chấp.

Ngày 01/8/2016, bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị tòa án được vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ việc tranh chấp giữa ngân hàng với Công ty Ng H.

3. *Anh Nguyễn Tiến Th, anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Anh Th, anh Đ là con trai ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N. Năm 2016, anh em anh đi làm ăn xa, không có ai ở nhà. Bố mẹ anh tuổi cao mắt kém, thiếu hiểu biết, nên đã bị ông C, bà H và một số người khác đến gia đình lừa đảo bố mẹ anh cho vay tiền. Thực tế, bố mẹ anh có vay tiền của ông Trần Cao C, không phải bán nhà hay ủy quyền cho ai. Sau đó anh Th, anh Đ biết sự việc bố mẹ anh viết giấy chuyển nhượng nhà đất. Thời gian sau, gia đình anh thấy V Bank đến nhà đưa ra các tài liệu thế chấp. Anh Th, anh Đ đồng ý với ý kiến của ông S về việc đề nghị Tòa án hủy bỏ việc chuyển nhượng nhà đất với bà H.

4. *Chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* chị H là con gái ông S, bà N. Năm 2014, chị H được biết ông S, bà N mang giấy tờ nhà đi thế chấp vay tiền, vay ở đâu thì không biết. Đến năm 2015, chị Hoa được biết ông S, bà N do tin người nên đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng nhà đất để vay tiền của ông C. Chị H không có đóng góp gì vào nhà đất của ông S, bà N, nhưng chị H có quyền được biết và được hưởng tài sản này. Chị H đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho gia đình chị.

6. *Chị Ngô Thị Th trình bày:* Chị Th là vợ anh Nguyễn Tiến Th. Năm 2015, chị Th kết hôn và chung sống với anh Th tại số 4, ngách 20/30 phố H T M. Từ khi chị Th về chung sống với anh Th, đã có nhà xây riêng như hiện nay, chị Th không có đóng góp xây dựng gì. Chị Th không biết việc ông S, bà N thế chấp nhà đất, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

7. *Tại Bản tự khai ngày 22/8/2016, bà Nguyễn Thị N trình bày:* Năm 2014, vợ chồng bà có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N N, chi nhánh C G để vay số tiền 200 triệu đồng. Đến hạn trả nợ, ông bà không có tiền trả, nên đã ủy quyền cho chị Chủ Thị Minh Ng trả tiền ngân hàng để lấy Sổ đỏ về.

Ngày 24/6/2014, chị H (người của anh Cường) nói với vợ chồng bà đến Văn phòng Công chứng Đ Đ để ký hợp đồng. Khi đến văn phòng, hợp đồng đã được soạn sẵn. Chị Ng, chị H ép vợ chồng bà ký vào văn bản công chứng mà không cho đọc nội dung. Ông bà nhớ được là có ký vào một hợp đồng ủy quyền cho chị Ng và một hợp đồng chuyển nhượng cho bà H cùng một ngày. Thực tế thì hợp đồng ủy quyền ghi ngày 24/6/2014, còn Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/6/2014. Đến ngày 27/6/2014, ông C có cho vợ chồng bà vay số tiền 01 tỷ đồng, lãi suất 5%/tháng. Vợ chồng bà trả nợ cho Ngân hàng N N 200 triệu đồng và các khoản lãi, còn lại vợ chồng bà được nhận số tiền 744.733.333đ. Trong Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho bà Hạnh có ghi số tiền chuyển nhượng 1.200.000.000đ. Cho đến nay vợ chồng bà cũng chưa nhận đồng nào từ hợp đồng chuyển nhượng nhà đất. Sau này, bà được biết bà H đã đứng tên nhà đất của vợ chồng bà và thế chấp nhà đất cho V Bank để vay tiền.

Từ khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho bà H, bà H cũng chưa bao giờ đến nhận bàn giao nhà đất, vợ chồng bà vẫn sinh sống trên nhà đất nêu trên.

8. *Ủy ban nhân dân quận C G có ý kiến:* Nhà đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tổ 35, phường M D, quận C G, Hà Nội được UBND quận C G cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N vào năm 2005. Do có việc

chuyển nhượng nhà đất giữa ông S, bà N với bà Nguyễn Thị Bích H, nên ngày 19/8/2014, UBND quận C G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số BV 939589 cho bà Nguyễn Thị Bích H.

UBND quận C G khẳng định, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND quận C G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

9. *Văn phòng Công chứng Đ Đ có ý kiến:* Ngày 26/6/2014, Văn phòng công chứng Đ Đ có nhận được yêu cầu công chứng của ông Nguyễn Anh S. Nội dung yêu cầu: Công chứng hợp đồng chuyển nhượng.

Sau khi xem xét hồ sơ, thấy đủ điều kiện công chứng theo quy định của pháp luật, nên Văn phòng Công chứng Đ Đ đã tiến hành công chứng Hợp đồng chuyển nhượng giữa Bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Anh S và vợ là bà Nguyễn Thị N với Bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Bích H.

Văn phòng công chứng Đ Đ khẳng định quá trình công chứng Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn phòng xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/ KDTM – ST, ngày 8,12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H B Tr đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

2. Buộc Công ty Cổ phần Tin học Ng H phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam T V khoản tiền gốc vay 5.999.672.000đ(Năm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng), theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME ngày 13/10/2014, thể hiện bằng các Khế ước nhận nợ: số 141014 -1457131-01-SME ngày 14/10/2014; số 201014-1457131-01-SME ngày 20/10/2014; số 131114-1457131-01-SME ngày 13/11/2014; số 281114-1457131-01-SME ngày 28/11/2014.

Buộc Công ty Cổ phần Tin học Ng H phải trả khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ đến ngày xét xử là: 3.066.421.937đ (Ba tỷ sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

Tổng số tiền Công ty Ng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V là: 9.066.093.937đ (Chín tỷ sáu mươi sáu triệu chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi suất phạt chậm trả của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty cổ phần tin học Ng H tiếp tục phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền vay.

2. Trong trường hợp Công ty cổ phần tin học Ng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng TMCP Việt Nam T V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tờ 35(nay là số 4 ngách 30/20 phố H T M), phường M D, quận C G, Hà Nội(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 939589, do UBND quận C G cấp ngày 19/8/2014, đứng tên bà Nguyễn Thị Bích H), để thu hồi toàn bộ các khoản nợ.

Khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, những người đang thực tế sinh sống trên nhà đất này phải chuyển đi nơi khác ở.

3. Hợp đồng bảo lãnh số 131014-01/HĐBL ngày 13/10/2014 được ký kết giữa ông Trần Cao C, Công ty Cổ phần tin học Ng H và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V không có hiệu lực thi hành.

4. Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết tại Văn phòng Công chứng Đ Đ ngày 26/6/2014 vô hiệu.

Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho ông S, bà N đối với giao dịch với ông Trần Cao C

5. Về án phí: Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.400.000đ(Năm mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00712 ngày 07/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội.

Công ty Cổ phần tin học Ng H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 117.066.093đ(Một trăm mười bảy triệu sáu mươi sáu nghìn chín mươi ba đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- Ngày 26/11/2018, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện V Bank về việc ông Trần Cao C phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh số 131014-01/HĐBL ngày 13/10/2014

- Ngày 20/11/2018, ông Nguyễn Anh S kháng cáo đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông S.

- Ngày 28/11/2018 anh Nguyễn Tiến Th kháng cáo với đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện , giữ nguyên yêu cầu kháng cáo , đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nếu Công ty Ng H không trả nợ thì ông Trần Cao C phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh mà hai bên đã ký kết.

* Ông S, bà N , anh Phương , anh Th thống nhất trình bày :

- Giữ nguyên nội dung trình bày ngày 24/7/2019 do anh Phương nộp tại Tòa án.

- Đề nghị Hủy Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa ông S bà N và bà Nguyễn thị Bích H với lý do hợp đồng vô hiệu bởi :

- Ông S và ông C chỉ có giao dịch vay tiền không có giao dịch mua bán nhà . Khi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ông S bà N bị lừa dối. Việc mua bán là không có thật vì không có thỏa thuận về giá cả, không có việc giao tiền, không có việc giao nhà, gia đình ông S vẫn ăn ở sinh sống trên nhà đất nêu trên cho đến nay. Ông S không có đơn đề nghị công chứng. Do Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng, hủy Hợp đồng thế chấp , yêu cầu V Bank trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S bà N.

Ông S đã được Hội đồng xét xử giải thích pháp luật về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu nhưng vẫn giữ nguyên đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của V Bank , ông S, anh Th trong thời hạn Luật định.

Xét kháng cáo của V Bank : Hợp đồng bảo lãnh không thể hiện tài sản đảm bảo của ông Trần Cao C là động sản hay bất động sản , tài sản có thuộc sở hữu hợp pháp của ông C hay không, không thể hiện tài sản có thuộc trường hợp phải đăng ký giao dịch đảm bảo hay không do đó không thể xác định được giao dịch đảm bảo có hiệu lực ở thời điểm nào , vì vậy Hợp đồng bảo lãnh không có giá trị pháp lý nên không phát sinh hiệu lực, nên kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông S, anh Th :

Ngày 26/6/2014 ông Nguyễn Anh S , bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn thị Bích H ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tổ 35(nay là số 4 ngách 30/20 phố H T M), phường M D, quận C G, Hà Nội. Hợp đồng đã được công chứng chứng thực trên cơ sở sự tự nguyện của hai bên là phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý. Căn cứ vào đó UBND Quận C G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn thị Bích H ngày 19/8/2014. Ông S, bà N cho rằng do vay tiền của ông C nên phải ký hợp đồng chuyển nhượng nêu trên cho bà H. Tuy nhiên đây là 2 giao dịch khác nhau và không phải là căn cứ hủy Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông S, bà N là có căn cứ, kháng cáo của ông S, anh Th là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông S yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa bà H và V Bank, thấy rằng trong đơn yêu cầu độc lập của ông S không có yêu cầu trên , Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết , do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét .

Về án phí : Ông S, bà N trên 60 tuổi do vậy căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn án phí cho ông S , bà N.

Do vậy căn cứ khoản 2 điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị : không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan , sửa án sơ thẩm về án phí .

Nguyên đơn, anh Th phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của V Bank , ông S, anh Th trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- UBND Quận C G, Văn phòng công chứng Đ Đ có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho Công ty Ng H, bà Nguyễn thị Bích H, anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Ngô thị Thêm, chị Nguyễn thị Hương, ông Trần Cao C nhưng vắng mặt, do vậy căn cứ khoản điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Tại phiên toà phúc thẩm ông S , bà N không yêu cầu luật sư , đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

- Về nội dung:

1/ Về hợp đồng tín dụng : Ngày 13/10/2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam T V và Công ty cổ phần tin học Ng H, ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME. Theo đó, V Bank cung cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Ng H số tiền 06 tỷ đồng. Tại các khế ước nhận nợ, Công ty Ng H đã nhận đủ số tiền 5.999.672.000đ theo hợp đồng hạn mức. Thời hạn vay theo các khế ước là 06 tháng; Lãi suất vay 09%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng tín dụng có xác nhận của bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Bích H . Thấy rằng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME được các bên đương sự ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật, nên có hiệu lực.

V Bank, Công ty Ng H đều thừa nhận : Tổng số nợ gốc là: 5.999.672.000đ , tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng (BL 105). Theo V Bank tiền lãi tính trên số nợ gốc theo các khế ước nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là: 3.066.421.937đ, Tổng số tiền Công ty Ng H phải có nghĩa vụ trả là: 9.066.093.937đ . Thấy rằng sự thừa nhận về số nợ gốc và lãi của V Bank , Công ty Ng H phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, bên thế chấp không có ý kiến phản đối, nên chấp nhận.

Do Công ty Ng H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, do vậy Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty Ng H phải trả cho V Bank số nợ gốc là: 5.999.672.000đ, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm là:

3.066.421.937đ là phù hợp pháp luật.

2/ Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

- Về nguồn gốc nhà đất thế chấp :

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện : Nhà đất tại tổ 35 phường M D nằm trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tổ 35(nay là tổ 21), phường M D– Quận C G – Thành phố Hà Nội đã được UBND Quận C G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 958865 ngày 30/12/2005 đứng tên ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N.

Ngày 26/6/2014, tại Văn phòng Công chứng Đ Đ, bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Anh S và bà Nguyễn Thị N, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Bích H đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2529.2014/HĐCN; Quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung : “ *Bên B đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà bên A đã thoả thuận chuyển nhượng cho bên B như hiện trạng* ”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Văn phòng công chứng Đ Đ khẳng định quá trình công chứng Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông S, bà N đều thừa nhận có ký vào Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên nhưng là do bị lừa dối, xét thấy ngoài lời khai ông S bà N không xuất trình được tài liệu chứng cứ trực tiếp và xác thực chứng minh việc ký kết Hợp đồng nêu trên là do bị lừa dối, bị ép buộc, hơn nữa tình trạng sức khỏe tinh thần của ông S , bà N hoàn toàn minh mẫn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, do vậy việc ông S - bà N trực tiếp ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phải chịu trách nhiệm về hành vi ký kết Hợp đồng của mình. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc các bên ký hợp đồng nêu trên hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Ông S, bà N cho rằng ông bà vay số tiền 01 tỷ đồng của ông Trần Cao C, nên phải ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho bà H, tuy nhiên ông S bà N không chứng minh được có việc vay tiền với ông Cường và việc vay tiền đó liên quan trực tiếp đến việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa ông S bà N với bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S, bà N thừa nhận tự nguyện ký Hợp đồng ủy quyền cho chị Ngọc và việc ký hợp đồng nêu trên liên quan đến việc vay tiền của ông Trần Cao C, xét thấy Hợp đồng ủy quyền, Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết bởi 2 ngày khác nhau, các bên tham gia ký kết, công chứng viên khác nhau, Hợp đồng ủy quyền có công chứng chứng thực là phù hợp với pháp luật, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng không thể

hiện Hợp đồng ủy quyền nêu trên liên quan đến việc vay tiền cũng như liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông S bà N và bà H, do vậy những lý do nêu trên của ông S không được chấp nhận.

Tại điều 2.2, 3.1 Hợp đồng chuyển nhượng hai bên thoả thuận việc giao tiền và giao nhà đất do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, việc ông S, bà N cho rằng hai bên chưa bàn giao nhà đất và không có việc giao tiền nên hợp đồng vô hiệu là không có căn cứ để chấp nhận. Từ những phân tích trên thấy rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2529.2014/HĐCN; Quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Bích H là phù hợp với pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông S về việc tuyên bố Hợp đồng nêu trên vô hiệu là có căn cứ, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S và anh Th về nội dung trên.

Trên cơ sở Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, ngày 14/8/2014, UBND quận C G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 939589 đứng tên bà Nguyễn Thị Bích H là đúng theo quy định của pháp luật, do vậy yêu cầu của ông S đòi lại nhà đất nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Về hợp đồng thế chấp : Bà Nguyễn Thị Bích H và VP Bank thừa nhận : Ngày 9/10/2014 bà Nguyễn Thị Bích H và V Bank ký Hợp đồng thế chấp – số công chứng 3736/2014/Quyền số 03-2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô , xét thấy Hợp đồng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Đơn yêu cầu độc lập ngày 22/2/2017 của ông Nguyễn Anh S thì việc Người đại diện theo ủy quyền của ông S yêu cầu Hủy Hợp đồng thế chấp nêu trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

Về tài sản trên đất : Xét thấy tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng có ghi : *tài sản trên đất là : 02 ngôi nhà gạch 1 tầng , DTXD 80m², 70m²* Hiện trạng là gồm 3 khối nhà đất , khối thứ 1 S = 42m² 2 tầng 1 tum, khối thứ 2 S = 45m² 6 tầng 1 tum, khối thứ 3 có S = 37m² - 3 tầng, thấy rằng trong hợp đồng chuyển nhượng nêu trên hai bên thoả thuận chuyển nhượng toàn bộ nhà đất theo hiện trạng. Theo lời khai của ông S, bà N ,

anh Th, anh Đồng tại Toà án đều thể hiện 3 khối nhà đất nêu trên được xây dựng trước thời điểm ký kết Hợp đồng chuyển nhượng, ông S , bà N , anh Đồng, anh Th không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh tài sản trên đất là do anh Th , anh Đồng xây dựng , tại Hợp đồng chuyển nhượng ông S bà N đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hiện trạng cho bà Nguyễn thị Bích H. Trong hợp đồng thế chấp tại điều 7.2 quy định : “ *khi xử lý tài sản thế chấp , bên thế chấp cam kết bàn giao vô điều kiện tài sản trên đất và mọi công trình xây dựng gắn liền với đất* ” , Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của V Bank về việc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp khi Công ty Ng H không trả nợ là có căn cứ để chấp nhận, từ những phân tích nêu trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông S, anh Th.

*** Về Hợp đồng bảo lãnh :**

Ngày 13/10/2014 ông Trần Cao C, Công ty Ng H và V Bank ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 130014-01/HĐBL , theo đó ông C cam kết dùng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Ng H. Xét Hợp đồng bảo lãnh được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật, do vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của V Bank về việc nếu như Công ty Ng H không trả được nợ thì ông Trần Cao C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh mà hai bên ký kết.

Về án phí phúc thẩm : Ông S , bà N trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí , do vậy cần sửa án sơ thẩm về phần án phí . V Bank không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Th phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 342, 355, 361, 362, 369 , 450, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2 điều 26, Khoản 1, 2 điều 29, điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh S, anh Nguyễn Tiến Th .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/ KDTM – ST, ngày 8,12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H B Tr và quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

2. Buộc Công ty cổ phần tin học Ng H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V khoản nợ gốc 5.999.672.000đ(Năm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng), theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 081014-1457131-01-SME ngày 13/10/2014, thể hiện bằng các Khế ước nhận nợ: số 141014 - 1457131-01-SME ngày 14/10/2014; số 201014-1457131-01-SME ngày 20/10/2014; số 131114-1457131-01-SME ngày 13/11/2014; số 281114-1457131-01-SME ngày 28/11/2014.

Buộc Công ty Cổ phần Tin học Ng H phải trả khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là: 3.066.421.937đ (Ba tỷ sáu mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng). Tổng số tiền Công ty Cổ phần Tin học Ng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V là: 9.066.093.937đ (Chín tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi suất phạt chậm trả của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (12/11/2018) Công ty Cổ phần Tin học Ng H tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng , các khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

2. Trong trường hợp Công ty cổ phần tin học Ng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng TMCP Việt Nam T V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 26, tổ 35(nay là số 4 ngách 30/20

phố H T M), phường M D, quận C G, Hà Nội(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 939589, do UBND quận C G cấp ngày 19/8/2014, đứng tên bà Nguyễn Thị Bích H), để thu hồi toàn bộ các khoản nợ.

Khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, những người đang thực tế sinh sống trên nhà đất này phải chuyển đi nơi khác .

3. Trong trường hợp Công ty cổ phần tin học Ng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V có quyền yêu cầu ông Trần Cao C phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh số 131014-01/HĐBL ngày 13/10/2014 được ký kết giữa ông Trần Cao C, Công ty Cổ phần tin học Ng H và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị N, về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết tại Văn phòng Công chứng Đ Đ ngày 26/6/2014 vô hiệu.

Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho ông S, bà N đối với giao dịch với ông Trần Cao C

5. Về án phí: Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.400.000đ, và 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00712 ngày 07/6/2016 , biên lai số 4478 ngày 4/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội.

Công ty Cổ phần tin học Ng H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 117.066.093đ (Một trăm mười bảy triệu sáu mươi sáu nghìn chín mươi ba đồng).

Trả lại ông Nguyễn Anh S số tiền tạm ứng án phí 15.000.000đ và 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2444 ngày 14/3/2017 , biên lai số 4484 ngày 5/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội.

Anh Nguyễn Tiên Th phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4467 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 30/7/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận H B Tr;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Trả lại ông Nguyễn Anh S số tiền tạm ứng án phí 15.000.000đ và 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2444 ngày 14/3/2017 , biên lai số 4484 ngày 5/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội.

Anh Nguyễn Tiến Th phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 2.000.000đ nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4467 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H B Tr, Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 30/7/2019.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND Quận H B Tr.
- VKSND TP Hà nội .
- Dương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

